



# TRẮC NGHIỆM GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG HỌC PHẦN 2

Quốc phòng 2 (Đại học Tôn Đức Thắng)



Scan to open on Studocu

## TRẮC NGHIỆM GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG HỌC PHẦN 2

### BÀI 1. PHÒNG, CHỐNG CHIẾN LƯỢC “DIỄN BIẾN HOÀ BÌNH”, BẠO LOẠN LẬT ĐỔ CỦA CÁC THỂ LỰC THÙ ĐỊCH ĐỐI VỚI CÁCH MẠNG VIỆT NAM

Câu 1. Thực hiện thủ đoạn “Diễn biến hòa bình” trong lĩnh vực tôn giáo - dân tộc, kẻ thù triệt để lợi dụng chính sách tự do tôn giáo của Đảng ta để:

A. Truyền bá mê tín dị đoan và tư tưởng phản động chống chủ nghĩa xã hội

**B. Truyền đạo trái phép nhằm thực hiện âm mưu tôn giáo hóa dân tộc**

C. Tuyên truyền để tập hợp lực lượng phản động chống phá cách mạng

D. Xây dựng lực lượng phản động làm tay sai chống phá cách mạng

Câu 2. Phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ ở nước ta hiện nay, chúng ta phải thực hiện giải pháp:

**A. Nâng cao nhận thức về âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, nắm chắc mọi diễn biến không để bị động và bất ngờ.**

B. Nâng cao tinh thần yêu nước, hăng hái lao động sản xuất và tích cực phòng chống thiên tai cho nhân dân

C. Nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân, đẩy lùi các hủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan và các tệ nạn xã hội

D. Nâng cao ý thức dân tộc, yêu Tổ quốc, yêu đồng bào, trách nhiệm công dân cho tuổi trẻ nhất là học sinh, sinh viên

Câu 3. Trong chiến lược “Diễn biến hòa bình”, đối với quân đội, công an, các thế lực thù địch chủ trương vô hiệu hóa sự lãnh đạo của Đảng với luận điểm:

A. Lực lượng hóa

B. Công cụ hóa

**C. Phi chính trị hóa**

D. Xã hội hóa

Câu 4. Trong quá trình bạo loạn, bọn phản động tìm mọi cách để mở rộng:

A. Phạm vi, lực lượng, đập phá trụ sở Đảng, chính quyền

B. Quy mô, lực lượng, kêu gọi nước ngoài can thiệp quân sự

C. Lực lượng, uy hiếp chính quyền địa phương, trung ương

**D. Phạm vi, quy mô, lực lượng, kêu gọi tài trợ của nước ngoài**

Câu 5. Một trong những mục tiêu phòng chống chiến lược “Diễn biến hoà bình”:

A. Giữ vững ổn định chính trị trên cơ sở độc lập chủ quyền dân tộc

**B. Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ**

C. Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền của quốc gia, dân tộc

D. Bảo vệ vững chắc chế độ nhà nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa

Câu 6. Các thế lực thù địch lợi dụng gây rối để:

- A. Mở màn cho hoạt động phá hoại
- B. Mở đầu cho hành động phá hoại
- C. Làm mất an ninh chính trị
- D. **Mở màn cho bạo loạn lật đổ**

Câu 7. Thực hiện chiến lược “Diễn biến hòa bình” chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch lợi dụng sự viện trợ, giúp đỡ kinh tế, đầu tư vốn, chuyển giao công nghệ cho Việt Nam để gây sức ép về chính trị, từng bước chuyển hóa Việt Nam theo con đường tư bản chủ nghĩa là một trong những nội dung của:

- A. Thủ đoạn về đối ngoại
- B. **Thủ đoạn về kinh tế**
- C. Biện pháp về kinh tế
- D. Biện pháp về chính trị

Câu 8. Thủ đoạn về chính trị trong chiến lược “Diễn biến hòa bình”, được kẻ thù xác định là:

- A. Thủ đoạn cơ bản
- B. **Thủ đoạn hàng đầu**
- C. Thủ đoạn chủ yếu
- D. Thủ đoạn hậu thuẫn

Câu 9. Thực hiện thủ đoạn chính trị trong chiến lược “Diễn biến hòa bình”, các thế lực thù địch thường khai thác, tận dụng những sơ hở trong đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, nhà nước ta để kích động:

- A. Học sinh, sinh viên đình công
- B. Công nhân đình công phản đối
- C. **Quần chúng biểu tình, chống đối**
- D. Nhân dân gây rối chính quyền

Câu 10. Chủ trương vô hiệu hóa sự lãnh đạo của Đảng, thực hiện âm mưu “phi chính trị hóa” của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch trong “Diễn biến hòa bình” nhằm làm cho quân đội nhân dân Việt Nam:

- A. Phai nhạt vai trò nòng cốt, xa rời quần chúng nhân dân
- B. **Mất bản chất cách mạng, xa rời mục tiêu chiến đấu**
- C. Mất bản chất nhân dân, mất truyền thống chống ngoại xâm
- D. Mất tính kiên cường, bất khuất, xa rời chủ nghĩa xã hội

Câu 11. Đảng ta xác định rõ nội dung bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa là toàn diện, trong đó coi trọng:

- A. An ninh kinh tế, chính trị, trật tự xã hội, lãnh thổ
- B. An ninh chính trị, xã hội, biên giới, biển đảo
- C. **An ninh kinh tế, chính trị, văn hóa, tư tưởng**
- D. . An ninh chính trị, đối ngoại, trật tự an toàn xã hội

Câu 12. Từ sau thất bại ở Việt Nam, Mỹ đã từng bước thay đổi chiến lược chuyển từ tiến công bằng sức mạnh quân sự là chính, sang tiến công bằng:

- A. Đánh đòn phủ đầu là chủ yếu
- B. Vượt trên ngăn chặn là chủ yếu
- C. Chiến lược ngăn chặn là chủ yếu
- D. **“Diễn biến hòa bình” là chủ yếu**

Câu 13. Đặc trưng của chiến lược “Diễn biến hòa bình” là sử dụng:

- A. **Biện pháp phi quân sự**
- B. Chính sách ngoại giao
- C. Biện pháp kinh tế
- D. Thủ đoạn vũ trang

Câu 14. Để nhanh chóng đạt được mục đích của “Diễn biến hòa bình”, chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch thường tiến hành thủ đoạn:

- A. Bạo loạn vũ trang
- B. Can thiệp quân sự
- C. **Bạo loạn lật đổ**
- D. Hành động bạo lực

Câu 15. Hoa Kỳ xóa bỏ lệnh cấm vận kinh tế đối với Việt Nam từ:

- A. 03/02/1995
- B. **03/02/1994**
- C. 02/03/1994
- D. 02/03/1995

Câu 16. Hoa Kỳ bình thường hóa quan hệ với Việt Nam từ:

- A. **11/7/1995**
- B. 11/7/1996
- C. 07/11/1995
- D. 07/11/1996

Câu 17. Đối với Việt Nam, sau thất bại về quân sự (năm 1975), chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch chuyển sang chiến lược “Diễn biến hòa bình” với nhiều thủ đoạn như:

- A. Cấm vận kinh tế, văn hóa và cô lập ngoại giao
- B. **Bao vây cấm vận kinh tế, cô lập về ngoại giao**
- C. Bao vây, phong tỏa chính trị, quân sự, an ninh
- D. Cấm vận triệt để về chính trị, quân sự, văn hóa

Câu 18. Nguyên tắc xử lý khi có bạo loạn diễn ra là:

- A. Kiên quyết, triệt để, nhẹ nhàng, đúng đối tượng, không để lan rộng, kéo dài
- B. Kiên quyết, triệt để, đúng đối tượng, không để dây dưa, lan rộng, kéo dài
- C. Nhanh gọn, linh hoạt, mạnh mẽ, đúng đối tượng, không để lan rộng, kéo dài
- D. **Nhanh gọn, kiên quyết, linh hoạt, đúng đối tượng, không để lan rộng, kéo dài**

Câu 19. Một trong những mục tiêu phòng chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ ở nước ta là:

- A. Bảo vệ chủ quyền lãnh thổ của quốc gia và bảo vệ nhân dân
- B. Bảo vệ hệ thống chính trị, các tổ chức quần chúng và văn hóa
- C. **Bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội và nền văn hóa**
- D. Bảo vệ vững chắc nền văn hóa và những giá trị tinh thần của dân tộc

Câu 20. Trong phòng chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ, chúng ta phải:

- A. Bảo vệ vững chắc hòa bình, sự nghiệp phát triển kinh tế
- B. Bảo vệ đường lối đổi mới và quyền làm chủ của nhân dân
- C. Bảo vệ quốc gia, dân tộc và an ninh, trật tự an toàn xã hội
- D. **Bảo vệ sự nghiệp đổi mới, lợi ích quốc gia, lợi ích dân tộc**

Câu 21. Đấu tranh phòng chống chiến lược “Diễn biến hòa bình” ở nước ta là một cuộc đấu tranh:

- A. Đấu đầu lịch sử giai cấp gay go, quyết liệt và phức tạp trên mọi lĩnh vực
- B. Dân tộc gay go, một mất một còn trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội
- C. **Giai cấp, dân tộc gay go, quyết liệt, lâu dài và phức tạp trên mọi lĩnh vực.**
- D. Chính trị lâu dài, phức tạp giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội

Câu 22. Cơ sở mạnh mẽ hình thành chiến lược “Diễn biến hòa bình” là:

- A. **Thực hiện chiến lược “ngăn chặn” chủ nghĩa cộng sản**
- B. Thất bại trong chiến tranh thế giới lần thứ hai
- C. Lôi kéo các nước tiến bộ ở Tây Âu phụ thuộc vào Mỹ
- D. Phá hoại các nước xã hội chủ nghĩa còn non yếu

Câu 23. Nội dung nào sau đây là trách nhiệm của sinh viên trong phòng chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ ?

- A. Thường xuyên xây dựng cơ sở chính trị - xã hội vững mạnh
- B. Xây dựng ý thức bảo vệ Tổ quốc cho toàn dân
- C. Xây dựng và luyện tập các phương án chống bạo loạn lật đổ
- D. **Thường xuyên nêu cao tinh thần cảnh giác cách mạng**

Câu 24. Nội dung chính của chiến lược “Diễn biến hòa bình” là kẻ thù sử dụng mọi thủ đoạn kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, tư tưởng, đối ngoại, quốc phòng, an ninh... để:

- A. **Phá hoại, làm suy yếu các nước xã hội chủ nghĩa từ bên trong**
- B. Chia rẽ, thành lập các tổ chức phản động để can thiệp quân sự
- C. Phá hoại các nước từ bên trong để dễ dàng tiến công từ bên ngoài
- D. Chia rẽ, gây mâu thuẫn để các nước xảy ra xung đột, lấy cớ tiến công

Câu 25. Một trong những nội dung kẻ thù chống phá về chính trị trong “Diễn biến hòa bình” là:

- A. Phá vỡ hệ thống nguyên tắc tổ chức của Đảng, chính quyền, tổ chức đoàn thể
- B. Phá vỡ hệ thống nguyên tắc tổ chức trong bộ máy lãnh đạo Đảng, Nhà nước ta
- C. Chia rẽ sự thống nhất của các tổ chức, nhất là tổ chức chính trị, quân sự
- D. **Chia rẽ mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân và khối đại đoàn kết toàn dân tộc**

Câu 26. Đảng ta xác định nội dung bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa hiện nay là toàn diện, vì kẻ thù thực hiện chiến lược “Diễn biến hòa bình”:

- A. Kết hợp với răn đe quân sự, biểu tình và bạo loạn lật đổ
- B. **Với nhiều đòn tiến công trên tất cả mọi lĩnh vực**
- C. Với bao vây cấm vận, cô lập ngoại giao, răn đe quân sự
- D. Kết hợp với các biện pháp vũ trang và phi vũ trang

Câu 27. Để đạt được ý đồ thống trị thế giới và xóa bỏ các nước xã hội chủ nghĩa còn lại, chủ nghĩa đế quốc tiếp tục điều chỉnh chiến lược toàn cầu, trong đó chiến lược “Diễn biến hòa bình” là:

- A. Bộ phận quan trọng
- B. Bộ phận chủ yếu
- C. **Bộ phận trọng yếu**
- D. Bộ phận quyết định

Câu 28. Khởi đầu thực hiện bạo loạn lật đổ, các thế lực thù địch thường tiến hành:

- A. **Gây rối, làm mất ổn định trật tự an toàn xã hội**

- B. Bạo động, đập phá gây mất trật tự nơi công cộng
- C. Ngăn chặn, gây rối, chống người thi hành công vụ
- D. Tập hợp lực lượng, tuyên truyền nói xấu chế độ

Câu 29. Vị Tổng thống Mỹ đã bổ sung, hình thành và công bố thực hiện chiến lược “ngăn chặn” chủ nghĩa cộng sản là:

- A. Kenman
- B. **Truman**
- C. Aixenhao
- D. Kennơđi

Câu 30. Thực hiện chiến lược “Diễn biến hòa bình”, chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch cho rằng, phải làm xói mòn tư tưởng, đạo đức, niềm tin cộng sản của thế hệ trẻ để:

- A. **Tự diễn biến, tự suy yếu, dẫn đến sụp đổ, tan rã của các nước XHCN còn lại**
- B. Tự đấu tranh, đòi yêu sách, dẫn đến bạo loạn lật đổ các nước XHCN còn lại
- C. Tự diễn biến, gây mâu thuẫn, kích động biểu tình, bạo loạn lật đổ chế độ XHCN
- D. Gây mất đoàn kết, tạo mâu thuẫn, tự đấu tranh dẫn đến sụp đổ các nước XHCN

Câu 31. Trong chiến lược “Diễn biến hòa bình”, đối với sinh viên, kẻ thù đặc biệt coi trọng:

- A. Tuyên truyền lối sống tư sản, tham gia hoạt động các tổ chức phi chính phủ
- B. **Khích lệ lối sống tư sản, từng bước làm phai nhạt mục tiêu xã hội chủ nghĩa**
- C. Kích động đòi yêu sách, phúc lợi xã hội và tham gia các tổ chức phản động
- D. Khích lệ lối sống tự do, xuống đường đấu tranh đòi dân chủ phương tây

Câu 32. Để chống phá các nước tiến bộ, trước hết là các nước xã hội chủ nghĩa, chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch thực hiện “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ với:

- A. Cấm vận kinh tế
- B. Cô lập ngoại giao
- C. **Răn đe quân sự**
- D. Dân chủ, nhân quyền

Câu 33. Đẩy mạnh chiến lược “Diễn biến hòa bình” ở nước ta, chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch thường triệt để khai thác và lợi dụng những khó khăn, sai sót của Đảng, Nhà nước tạo nên sức ép, từng bước chuyển hóa để:

- A. Thay đổi chế độ, theo phương tây để được bảo hộ của tư bản
- B. Lôi kéo quần chúng nhân dân đi theo chúng để được giàu có
- C. **Thay đổi đường lối chính trị, đi theo quỹ đạo chủ nghĩa tư bản**
- D. Gây mâu thuẫn, kích động nhân dân bạo loạn vũ trang

Câu 34. Một trong những chiêu bài mà chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch sử dụng trong “Diễn biến hòa bình” đối với Việt Nam là:

- A. Nhân quyền, bình đẳng
- B. Tự do, dân chủ
- C. **Dân chủ, nhân quyền**

D. Bình đẳng, tự do

Câu 35. Trước những thắng lợi của công cuộc đổi mới toàn diện ở Việt Nam, chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch đã tuyên bố xóa bỏ cấm vận, bình thường hóa quan hệ để chuyển sang những thủ đoạn mới, đẩy mạnh hoạt động xâm nhập:

- A. Can thiệp, thâm độc, hiểm, sâu
- B. **Dính líu, ngầm, sâu, hiểm**
- C. Lôi kéo, công khai, hiểm, sâu
- D. Xúi dục, can thiệp, ngầm, sâu

Câu 36. Chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch chống phá cách mạng nước ta hiện nay là toàn diện, trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội với:

- A. Các thủ đoạn xảo quyệt dễ nhận được
- B. **Nhiều thủ đoạn tinh vi khó nhận biết**
- C. Nhiều hình thức tinh vi khó nhận rõ
- D. Các biện pháp khôn khéo khó nhận ra

Câu 37. “Diễn biến hòa bình” là:

- A. Phương thức chủ yếu của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động
- B. **Chiến lược cơ bản của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động**
- C. Sách lược chủ yếu của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động
- D. Thủ đoạn cơ bản của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động

Câu 38. Biện pháp của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động tiến hành chiến lược “Diễn biến hòa bình” là:

- A. **Biện pháp phi quân sự**
- B. Biện pháp quân sự
- C. Biện pháp ngoại giao
- D. Biện pháp bạo loạn

Câu 39. Chiến lược “Diễn biến hòa bình” được bắt nguồn từ:

- A. Nước Nga
- B. Nước Đức
- C. **Nước Mỹ**
- D. Nước Pháp

Câu 40. Chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch sử dụng chiến lược “Diễn biến hòa bình” đối với Việt Nam nhằm:

- A. Tự do hóa đời sống chính trị, xã hội
- B. Xóa bỏ hệ thống chính trị, kinh tế
- C. Lật đổ chế độ, theo quỹ đạo của chúng
- D. **Xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng**

Câu 41. Chiến lược “Diễn biến hòa bình” bắt đầu hình thành từ:



- A. Năm 1930
- B. **Năm 1945**
- C. Năm 1960
- D. 1954

Câu 42. Mục tiêu của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch sử dụng chiến lược “Diễn biến hòa bình” đối với Việt Nam là:

- A. Xóa bỏ hệ thống chính trị - xã hội
- B. Thực hiện chế độ đa nguyên chính trị
- C. Thực hiện tự do chính trị - xã hội
- D. **Xóa bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa**

Câu 43. Vùng lãnh thổ nào của nước ta mà kẻ thù kích động đồng bào đòi ly khai thành lập nhà nước Đề Ga?

- A. Tây Bắc
- B. **Tây Nguyên**
- C. Tây Nam
- D. Đông bắc

Câu 44. Mục đích chống phá tư tưởng – văn hóa trong chiến lược “Diễn biến hòa bình” là:

- A. Xóa bỏ nguồn gốc tư tưởng XHCN
- B. **Xóa bỏ chủ nghĩa Mác Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh**
- C. Xóa bỏ đường lối chính trị của Đảng Cộng sản
- D. Xóa bỏ tư tưởng vô sản, thiết lập tư tưởng tư sản

Câu 45. Hình thức của bạo loạn lật đổ gồm có:

- A. Bạo loạn vũ trang, bạo loạn chính trị hoặc bạo loạn chính trị với gây rối
- B. Bạo loạn chính trị với gây rối hoặc kết hợp gây rối với phá hoại
- C. **Bạo loạn chính trị, bạo loạn vũ trang, hoặc bạo loạn chính trị với vũ trang**
- D. Bạo loạn chính trị kết hợp với quân sự hoặc chính trị kết hợp với kinh tế

Câu 46. Phòng chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ, chúng ta phải:

- A. Xây dựng các tổ chức chính trị, tổ chức quần chúng vững chắc
- B. **Xây dựng ý thức bảo vệ Tổ quốc cho toàn dân.**
- C. Xây dựng các lực lượng vũ trang đặc biệt là công an vững mạnh
- D. Nâng cao nhận thức về âm mưu phá hoại của kẻ thù.

Câu 47. Một trong những giải pháp phòng chống chiến lược ‘diễn biến hòa bình’, bạo loạn lật đổ là:

- A. Đẩy mạnh công nghiệp hóa hiện đại hóa, chống tụt hậu kinh tế.
- B. Xây dựng hệ thống chính trị cả nước vững mạnh toàn diện
- C. **Chăm lo xây dựng lực lượng vũ trang ở địa phương vững mạnh.**
- D. Xây dựng lòng yêu nước cho tuổi trẻ nhất là học sinh, sinh viên

Câu 48. “Bạo loạn lật đổ” là thủ đoạn gắn liền với:

- A. Chính sách “Cấm vận kinh tế, cô lập ngoại giao”
- B. Biện pháp “Ngăn chặn chủ nghĩa cộng sản”
- C. Chiến lược “Phi quân sự”
- D. **Chiến lược “Diễn biến hòa bình”**

Câu 49. Nhiệm vụ cấp bách hàng đầu trong các nhiệm vụ quốc phòng, an ninh ở nước ta là:

- A. **Phòng chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ**
- B. Phòng chống địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao
- C. Phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo
- D. Phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội và bảo vệ an ninh quốc gia

Câu 50. Chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch kích động người H'Mông đòi thành lập khu tự trị riêng ở:

- A. Vùng Đông Bắc
- B. Vùng Tây Nguyên
- C. **Vùng Tây Bắc**
- D. Vùng Tây Nam Bộ

Câu 51. Lực lượng tiến hành bạo loạn lật đổ thường là:

- A. Lực lượng đối lập phối hợp chặt chẽ với lực lượng ly khai bên ngoài
- B. **Lực lượng ly khai, đối lập trong nước hoặc cầu kết với nước ngoài**
- C. Lực lượng ly khai phối hợp với lực lượng dân chủ, nhân quyền
- D. Lực lượng bất mãn chống đối trong nước cầu kết với kẻ thù từ bên ngoài

Câu 52. Thực hiện chiến lược “Diễn biến hòa bình”, chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch kích lệ lối sống tư sản, từng bước làm phai nhạt mục tiêu, lý tưởng xã hội chủ nghĩa ở tầng lớp:

- A. **Thanh niên, nhất là sinh viên**
- B. Học sinh, sinh viên thành thị
- C. Công nhân các khu công nghiệp
- D. Người dân nghèo ở thành thị

Câu 53. Bạo loạn lật đổ có thể xảy ra ở nhiều nơi, nhiều vùng của đất nước, trọng điểm là:

- A. Các khu công nghiệp tập trung
- B. **Các trung tâm chính trị, kinh tế**
- C. Các trung tâm văn hóa, khoa học
- D. Các khu công nghệ, kỹ thuật cao

Câu 54. Thực hiện chiến lược “Diễn biến hòa bình” chống phá chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch luôn coi Việt Nam là:

- A. Vấn đề trọng điểm
- B. Vấn đề cơ bản
- C. Một trọng tâm
- D. **Một trọng điểm**

Câu 55. Sau thất bại về chiến lược quân sự, chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch chuyển sang chiến lược “Diễn biến hòa bình” đối với Việt Nam từ năm:

- A. 1976
- B. 1979
- C. 1975
- D. 1973

Câu 56. Chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch thực hiện chiến lược “Diễn biến hòa bình” đối với Việt Nam từ khi nào?

- A. Sau thất bại chiến tranh xâm lược Việt Nam
- B. Khi đưa quân vào xâm lược miền Nam
- C. Sau biến động chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô
- D. Khi Việt Nam tiến hành sự nghiệp đổi mới

Câu 57. Trong các nhiệm vụ quốc phòng - an ninh hiện nay ở nước ta, phòng, chống chiến lược “Diễn biến hòa bình” là:

- A. Nhiệm vụ cơ bản hàng đầu
- B. Nhiệm vụ thường xuyên hàng đầu
- C. Nhiệm vụ cấp bách hàng đầu
- D. Nhiệm vụ chiến lược hàng đầu

Câu 58. Nội dung nào sau đây là một trong những giải pháp phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ?

- A. **Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và chăm lo nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân lao động**
- B. Xây dựng Đảng vững mạnh, xây dựng tinh thần đoàn kết và xây dựng các tổ chức quần chúng vững mạnh
- C. Đẩy lùi các hủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan và các tệ nạn xã hội, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân lao động.
- D. Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, chống nguy cơ lạc hậu về kinh tế, khắc phục các tiêu cực trong xã hội

Câu 59. Thủ đoạn trên lĩnh vực quốc phòng - an ninh trong chiến lược “Diễn biến hòa bình” là:

- A. Chia rẽ quân đội, công an, dân quân tự vệ và bộ đội biên phòng
- B. Mua chuộc cán bộ cao cấp của quân đội và lực lượng vũ trang
- C. Phủ nhận vai trò quốc phòng - an ninh trong sự nghiệp đổi mới
- D. **Phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng trong lĩnh vực quốc phòng - an ninh**

Câu 60. Phòng chống chiến lược ‘diễn biến hòa bình’, bạo loạn lật đổ, chúng ta phải thực hiện giải pháp:

- A. **Xây dựng cơ sở chính trị - xã hội vững mạnh về mọi mặt**
- B. Đẩy mạnh công nghiệp hóa, chống nguy cơ tụt hậu kinh tế
- C. Đẩy lùi các hủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan và các tệ nạn xã hội

D. Xây dựng lòng yêu nước cho tuổi trẻ nhất là học sinh, sinh viên

Câu 61. Nhiệm vụ phòng chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ được xác định là nhiệm vụ:

- A. Trọng tâm lâu dài của cách mạng Việt Nam
- B. Chủ yếu, cấp bách trước mắt cũng như lâu dài
- C. Cơ bản trong thời kỳ quá độ xã hội chủ nghĩa
- D. **Cấp bách hàng đầu, thường xuyên và lâu dài**

Câu 62. Quan hệ giữa “Diễn biến hòa bình” và bạo loạn lật đổ:

- A. “Diễn biến hòa bình” là quá trình đưa đến nguyên nhân và điều kiện của bạo loạn lật đổ
- B. **“Diễn biến hòa bình” là quá trình tạo nên những điều kiện, thời cơ cho bạo loạn lật đổ**
- C. “Diễn biến hòa bình” là quá trình tạo yếu tố quyết định cho bạo loạn lật đổ.
- D. “Diễn biến hòa bình” là quá trình tạo thời cơ quan trọng nhất cho bạo loạn lật đổ

Câu 63. Trong chiến lược “Diễn biến hòa bình”, thủ đoạn về kinh tế được kẻ thù xác định là:

- A. Thủ đoạn hàng đầu
- B. Thủ đoạn chủ yếu
- C. **Thủ đoạn mũi nhọn**
- D. Thủ đoạn cơ bản

Câu 64. Chống phá về chính trị trong chiến lược “Diễn biến hòa bình”, kẻ thù âm mưu thực hiện:

- A. **Xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng và chế độ xã hội chủ nghĩa**
- B. Đối lập chủ nghĩa Mác Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh
- C. Phủ định chủ nghĩa Mác Lênin, xóa bỏ chủ nghĩa xã hội
- D. Đối lập nhiệm vụ kinh tế và quốc phòng, an ninh trật tự

Câu 65. Thực hiện thủ đoạn chống phá về chính trị trong chiến lược “Diễn biến hòa bình” đối với cách mạng Việt Nam, kẻ thù tiến hành:

- A. Phá vỡ khối đại đoàn kết toàn dân của các tổ chức chính trị, xã hội
- B. **Kích động đòi thực hiện chế độ “đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập”**
- C. Chia rẽ nội bộ, kích động gây rối loạn các tổ chức trong xã hội
- D. Cô lập Đảng, Nhà nước với quân đội nhân dân và công an nhân dân.

Câu 66. Để cùng cả nước phòng chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ, sinh viên phải:

- A. **Phát hiện và góp phần đấu tranh đánh bại mọi âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù**
- B. Đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đưa đất nước phát triển
- C. Nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho công nhân và nhân dân lao động
- D. Chăm lo xây dựng lực lượng vũ trang ở địa phương vững mạnh toàn diện

Câu 67. Một trong những nội dung chống phá về kinh tế của chiến lược “Diễn biến hòa bình” là:

- A. Khuyến khích kinh tế nước ngoài phát triển giữ vai trò chủ đạo của kinh tế đất nước
- B. **Làm mất vai trò chủ đạo của kinh tế Nhà nước, từng bước lệ thuộc chủ nghĩa đế quốc**
- C. Kêu gọi kinh tế cá thể phát triển, từng bước đưa kinh tế tư nhân thay thế kinh tế quốc doanh
- D. Phát triển nhanh kinh tế tư bản Nhà nước, giữ vai trò chủ đạo của kinh tế đất nước

Câu 68. Chống phá trên lĩnh vực đối ngoại trong chiến lược “Diễn biến hòa bình” kẻ thù thực hiện thủ đoạn:

- A. Chia rẽ Việt Nam với Lào và các nước xã hội chủ nghĩa còn lại
- B. Chia rẽ Việt Nam với các nước tiến bộ, yêu chuộng hòa bình
- C. **Chia rẽ Việt Nam với Lào, Campuchia và các nước xã hội chủ nghĩa**
- D. Chia rẽ Việt Nam với Campuchia và các nước tiến bộ trên thế giới

Câu 69. Thực hiện thủ đoạn “Diễn biến hòa bình” về văn hóa, kẻ thù tập trung tấn công vào:

- A. Những sản phẩm văn hóa quý báu của chúng ta
- B. **Bản sắc văn hóa và giá trị văn hóa của dân tộc Việt Nam**
- C. Truyền thống kinh nghiệm của văn hóa Việt Nam
- D. Nền văn hóa và sản phẩm văn hóa dân tộc Việt Nam

Câu 70. Thực hiện thủ đoạn trong lĩnh vực tôn giáo – dân tộc của chiến lược “Diễn biến hòa bình”, kẻ thù lợi dụng vấn đề dân tộc để kích động tư tưởng:

- A. Đòi biểu tình, ly khai lập khu tự trị
- B. Chia rẽ các dân tộc, gây mâu thuẫn
- C. **Đòi li khai, tự quyết dân tộc**
- D. Gây mâu thuẫn giữa các dân tộc

## BÀI 2 MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN VỀ DÂN TỘC, TÔN GIÁO; ĐẤU TRANH PHÒNG, CHỐNG CÁC THỂ LỰC THÙ ĐỊCH LỢI DỤNG VẤN ĐỀ DÂN TỘC, TÔN GIÁO CHỐNG PHÁ CÁCH MẠNG VIỆT NAM

Câu 1. Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, giải quyết vấn đề dân tộc:

- A. Vừa là quan điểm vừa là phương châm của nhà nước vô sản
- B. **Vừa là mục tiêu vừa là động lực của cách mạng xã hội chủ nghĩa**
- C. Vừa là mục tiêu vừa là phương thức của nhà nước xã hội chủ nghĩa
- D. Vừa là nội dung vừa là quan điểm của cách mạng xã hội chủ nghĩa

Câu 2. Quan hệ dân tộc, sắc tộc hiện nay trên thế giới diễn ra phức tạp, nóng bỏng ở phạm vi:

- A. Các nước ASEAN và EU
- B. Châu Phi và châu Mỹ Latinh
- C. Châu Á và châu Âu, châu Mỹ
- D. **Quốc gia, khu vực và quốc tế**

Câu 3. Nội dung vấn đề dân tộc và giải quyết vấn đề dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh là:

- A. **Toàn diện, phong phú, sâu sắc, khoa học và cách mạng**
- B. Xây dựng quan hệ sâu sắc, tốt đẹp, phong phú, hài hòa
- C. Thiết lập quan hệ với các quốc gia, dân tộc trên thế giới
- D. Xây dựng tình đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ lẫn nhau

Câu 4. Một trong những quan điểm, chính sách dân tộc của Đảng, Nhà nước ta là:

- A. Chống mọi hành động áp đặt trong công tác dân tộc
- B. Chống phân biệt, đối xử khác nhau giữa các dân tộc
- C. **Chống các biểu hiện kỳ thị, hẹp hòi, chia rẽ dân tộc**
- D. Chống tuyên truyền, lôi kéo kích động các dân tộc

Câu 5. Tăng cường xây dựng củng cố khối đại đoàn kết dân tộc, giữ vững ổn định chính trị xã hội là một trong những nội dung của:

- A. Nội dung cơ bản đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, TG
- B. **Giải pháp cơ bản đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, TG**
- C. Nhiệm vụ đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo
- D. Vị trí quan trọng đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, TG

Câu 6. Theo quan điểm chủ nghĩa Mác - Lênin, thực chất của vấn đề dân tộc là:

- A. Sự khác biệt về phong tục, tập quán, quyền lợi của nhau giữa các dân tộc trong một quốc gia đa dân tộc và giữa các quốc gia dân tộc với nhau trên thế giới
- B. Sự va chạm, đụng độ, mâu thuẫn trong quan hệ đời sống XH giữa các dân tộc trong một QG đa dân tộc và giữa các QG dân tộc với nhau trong quan hệ quốc tế
- C. **Sự va chạm, mâu thuẫn lợi ích giữa các dân tộc trong quốc gia đa dân tộc và giữa các quốc gia dân tộc với nhau trong quan hệ quốc tế**
- D. Sự bất bình đẳng, phân biệt chủng tộc trong quá trình phát triển KT, XH giữa các dân tộc trong QG đa dân tộc và giữa các QG dân tộc với nhau trong quan hệ QT

Câu 7. Một trong những lý do dẫn đến vấn đề dân tộc còn tồn tại lâu dài là do:

- A. **Dân số và trình độ phát triển KT – XH giữa các dân tộc không đều nhau**
- B. Các dân tộc chưa đồng thời đứng lên đấu tranh chống CNĐQ
- C. Sự chống phá của CNĐQ đối với các dân tộc trên toàn thế giới
- D. CNĐQ thực hiện chiến lược “Diễn biến hòa bình” trên thế giới

Câu 8. Một trong những nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và giải quyết vấn đề dân tộc:

- A. Thiết lập và mở rộng mối quan hệ khăng khít, gắn bó với các quốc gia, dân tộc trên thế giới.
- B. Xây dựng quan hệ sâu sắc, tốt đẹp, phong phú, hài hòa giữa các dân tộc
- C. **Khắc phục tàn dư tư tưởng phân biệt, kỳ thị dân tộc, tư tưởng dân tộc lớn, dân tộc hẹp hòi**
- D. Xây dựng tình đoàn kết hữu nghị, bình đẳng, tôn trọng và giúp đỡ nhau cùng phát triển.

Câu 9. Một trong những đặc điểm của các dân tộc ở Việt Nam là các dân tộc ở nước ta có quy mô dân số và:

- A. Trình độ phát triển khá đồng đều
- B. **Trình độ phát triển không đồng đều**
- C. Trình độ phát triển còn hạn chế
- D. Trình độ phát triển đồng đều.

Câu 10. Một trong những quan điểm, chính sách dân tộc của Đảng, Nhà nước ta là:

- A. Vấn đề dân tộc và đoàn kết dân tộc đi đôi với cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới, xã hội văn minh, tốt đẹp
- B. Vấn đề dân tộc và đoàn kết dân tộc có ý nghĩa sâu sắc trong sự nghiệp cách mạng Việt Nam
- C. Vấn đề dân tộc và đoàn kết dân tộc gắn liền với quá trình xây dựng và phát triển của cách mạng Việt Nam
- D. **Vấn đề dân tộc và đoàn kết các dân tộc có vị trí chiến lược lâu dài trong sự nghiệp cách mạng Việt Nam**

Câu 11. Một trong những quan điểm, chính sách dân tộc của Đảng, Nhà nước ta là :



- A. Thực hiện chính sách ưu tiên trong đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, trí thức là người dân tộc thiểu số
- B. Ưu tiên trong giáo dục cán bộ, nhân lực, vật lực cho các địa phương vùng đồng bào các dân tộc thiểu số
- C. Tập trung phát triển nhanh về văn hóa – xã hội cho các địa phương vùng đồng bào các dân tộc thiểu số
- D. Thực hiện tốt các chính sách, nhất là chính sách dân số, kế hoạch hóa gia đình cho đồng bào các dân tộc thiểu số

Câu 12. Lĩnh vực trọng yếu mà các thế lực thù địch lợi dụng, lấy đó làm ngòi nổ để chống phá cách mạng Việt Nam: là:

- A. Vấn đề diễn biến hòa bình
- B. Vấn đề dân tộc, tôn giáo
- C. Vấn đề bạo loạn lật đổ
- D. Vấn đề dân chủ, nhân quyền

Câu 13. Để vô hiệu hóa sự lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo ở Việt Nam của các thế lực thù địch, giải pháp cơ bản nhất là thực hiện tốt:

- A. Chính sách vận động quần chúng
- B. Chính sách xóa đói, giảm nghèo
- C. Chính sách đại đoàn kết dân tộc
- D. Chính sách dân tộc, tôn giáo

Câu 14. Lợi dụng những khó khăn của đồng bào dân tộc ít người, những khuyết điểm trong thực hiện chính sách của một bộ phận cán bộ để kích động đòi ly khai, tự quyết dân tộc là một trong những nội dung của thủ đoạn “Diễn biến hòa bình” trong lĩnh vực:

- A. Tư tưởng, văn hóa
- B. Dân tộc, tôn giáo
- C. An ninh lãnh thổ
- D. An ninh biên giới

Câu 15. Lòng biết ơn, sự tôn kính đối với những người có công khai phá tự nhiên và chống lại các thế lực áp bức trong tình cảm tâm lý con người là nguồn gốc:

- A. Tâm lý của tôn giáo
- B. Cảm xúc của tôn giáo
- C. Nhận thức của tôn giáo
- D. Xã hội của tôn giáo

Câu 16. Xuất phát từ lợi ích, những lực lượng xã hội khác nhau lợi dụng tôn giáo để thực hiện mục tiêu chính trị của mình, đó là:

- A. Tính lịch sử của tôn giáo
- B. Tính xã hội của tôn giáo
- C. Tính kinh tế của tôn giáo
- D. Tính chính trị của tôn giáo



Câu 17. Ngày nay thế giới đã phát triển, đời sống ngày càng được nâng cao nhưng con người vẫn tin vào tôn giáo, bởi vì:

- A. Trình độ dân trí trên thế giới phát triển chưa đồng đều
- B. Con người chưa tin vào hiện thực khách quan
- C. **Con người vẫn chưa hoàn toàn làm chủ tự nhiên và xã hội**
- D. Thế giới vẫn còn nhiều bất công, thiên tai, chiến tranh

Câu 18. Tôn giáo có tính quần chúng, bởi vì:

- A. **Tôn giáo phản ánh sự khát vọng của quần chúng**
- B. Tôn giáo gắn liền với hoạt động xã hội của quần chúng
- C. Quần chúng lấy tôn giáo làm mục đích cho tinh thần
- D. Quần chúng dựa vào tâm linh trong mọi hoạt động

Câu 19. Tôn giáo có nguồn gốc từ các yếu tố :

- A. Kinh tế - xã hội, ý thức và hành vi
- B. **Kinh tế - xã hội, nhận thức và tâm lý**
- C. Chính trị xã hội, tinh thần và tâm lý
- D. Chính trị-xã hội, kinh tế và tinh thần

Câu 20. Vấn đề dân tộc, sắc tộc đã gây nên những hậu quả nặng nề về:

- A. Chính trị tinh thần, văn hóa, xã hội và có thể gây ra chiến tranh
- B. **Kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, môi trường cho các quốc gia**
- C. Mọi hoạt động của đời sống xã hội của các quốc gia trên thế giới
- D. Đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân trên mọi quốc gia

Câu 21. Các dân tộc thiểu số ở Việt Nam cư trú phân tán và xen kẽ trên địa bàn rộng lớn, chủ yếu là ở:

- A. Biên giới, vùng cao, hải đảo
- B. Rừng núi, trung du, biển đảo
- C. **Miền núi, biên giới, hải đảo**
- D. Vùng sâu, vùng xa, biển đảo

Câu 22. Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác tôn giáo, là một trong những nội dung:

- A. **Chính sách tôn giáo của Đảng, Nhà nước ta**
- B. Quan điểm tôn giáo của chủ nghĩa Mác - Lê nin
- C. Quan điểm tôn giáo của Đảng, Nhà nước ta
- D. Chính sách tôn giáo của Chủ nghĩa Mác - Lê nin

Câu 23. Tôn giáo đã trở thành nhu cầu tinh thần, đức tin, lối sống của một bộ phận không nhỏ đã thể hiện rõ:

- A. Tính phổ biến của tôn giáo
- B. **Tính quần chúng của tôn giáo**
- C. Tính xã hội của tôn giáo

D. Tính rộng rãi của tôn giáo

Câu 24. Tôn giáo ra đời, tồn tại, biến đổi phản ánh và phụ thuộc vào sự vận động, phát triển của tồn tại xã hội, nhưng nó sẽ mất đi khi con người làm chủ hoàn toàn tự nhiên, xã hội và tư duy, điều đó khẳng định:

- A. Tính xã hội của tôn giáo
- B. Tính phức tạp của tôn giáo
- C. Tính phát triển của tôn giáo
- D. **Tính lịch sử của tôn giáo**

Câu 25. Việc mở rộng giao lưu giữa các tổ chức tôn giáo Việt Nam với các tổ chức tôn giáo thế giới đã giúp cho việc tăng cường trao đổi thông tin, góp phần xây dựng tinh thần hợp tác hữu nghị, hiểu biết lẫn nhau vì:

- A. Lợi ích phát triển chung của các tôn giáo
- B. Phù hợp với phát triển tôn giáo thế giới
- C. **Lợi ích của các giáo hội và đất nước**
- D. Sự phát triển toàn diện của đất nước

Câu 26. Tôn trọng tự do tín ngưỡng là phải không ngừng tạo điều kiện cho quần chúng phát triển, tiến bộ về mọi mặt, bài trừ mê tín dị đoan, bảo đảm cho:

- A. Tôn giáo đoàn kết, phát triển theo kịp thế giới
- B. Đồng bào tôn giáo tự do, bình đẳng trước pháp luật
- C. Giáo sỹ, tín đồ tôn giáo ngày càng phát triển bền vững
- D. **Tín đồ, chức sắc tôn giáo hoạt động theo đúng pháp luật**

Câu 27. Các thế lực thù địch vẫn luôn lợi dụng vấn đề tôn giáo, dân tộc để chống phá cách mạng Việt Nam, chúng gắn vấn đề “dân chủ”, “nhân quyền” với:

- A. “Tự do”, “dân chủ” để kích động biểu tình, bạo loạn
- B. **“Tự do tôn giáo” để chia rẽ tôn giáo, dân tộc**
- C. “Dân chủ tôn giáo” để chia rẽ dân tộc, tôn giáo
- D. Chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ

Câu 28. Nội dung cốt lõi của công tác tôn giáo ở Việt Nam là vận động quần chúng:

- A. **Sống “tốt đời, đẹp đạo”**
- B. “Kính chúa yêu nước”
- C. “Phúc âm trong lòng dân tộc”
- D. Phải “từ bi, bác ái”.

Câu 29. Một trong những giải pháp cơ bản để vô hiệu hóa sự lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo ở Việt Nam của các thế lực thù địch là:

- A. Tăng cường quản lý trật tự trị an, thực hiện tốt chính sách đền ơn đáp nghĩa, phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương
- B. Thực hiện tốt chính sách đại đoàn kết dân tộc, bảo vệ, đấu tranh vạch trần các phần tử ly khai, phản động.

- C. Đẩy mạnh thực hiện chính sách xóa đói giảm nghèo, nêu cao cảnh giác không làm theo kẻ tuyên truyền chống đối
- D. **Tăng cường xây dựng củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, giữ vững ổn định chính trị - xã hội**

Câu 30. Một trong những giải pháp cơ bản đấu tranh phòng chống các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo là :

- A. Tạo điều kiện cho đồng bào các dân tộc, tôn giáo thực hiện tốt nghĩa vụ đối với đất nước.
- B. **Chăm lo nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào các dân tộc, các tôn giáo**
- C. Chú trọng công tác thuyết phục đối với các già làng, trưởng bản, chức sắc tôn giáo.
- D. Kịp thời phát hiện, ngăn chặn đối phó có hiệu quả đối với những lực lượng phản động.

Câu 31. Một trong những giải pháp cơ bản đấu tranh phòng chống các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo là :

- A. Kịp thời phát hiện, ngăn chặn đấu tranh có hiệu quả đối với những hành vi chống đối
- B. Chăm lo nâng cao đời sống tinh thần và đoàn kết của đồng bào các dân tộc miền núi
- C. Chú trọng công tác tuyên truyền thông qua các già làng, trưởng bản, chức sắc tôn giáo
- D. **Ra sức tuyên truyền, quán triệt quan điểm, chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng, Nhà nước**

Câu 32. Để đấu tranh phòng chống các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo, chúng ta phải phát huy vai trò của:

- A. Đồng bào các dân tộc, tôn giáo
- B. **Cả hệ thống chính trị**
- C. Các tổ chức quần chúng
- D. Các già làng, chức sắc tôn giáo

Câu 33. Để thực hiện thủ đoạn lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam, các thế lực thù địch thường sử dụng chiêu bài:

- A. “truyền đạo”, “dân chủ”, “tự do”
- B. “dân chủ”, “tuyên truyền”, “tự do”
- C. **“nhân quyền”, “dân chủ”, “tự do”**
- D. “nhân quyền”, “kích động”, “dân chủ

Câu 34. Ở Việt Nam vị vua được tôn vinh Phật hoàng là

- A. **Trần Nhân Tông**
- B. Lý Thái Tông
- C. Trần Thánh Tông
- D. Lý Nhân Tông

Câu 35. Vấn đề cốt lõi xuyên suốt trong công tác dân tộc ở nước ta hiện nay là:

- A. Nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, điều kiện sinh sống giữa các dân tộc
- B. **Khắc phục sự cách biệt về trình độ phát triển kinh tế - xã hội giữa các dân tộc**

- C. Giải quyết các tệ nạn xã hội, ưu tiên phát triển toàn diện các DT ít người
- D. Khắc phục sự chênh lệch giàu, nghèo, sự phân hóa trong xã hội hiện nay

Câu 36. Tôn giáo là một cộng đồng xã hội với các yếu tố:

- A. Hệ thống giáo khoa tôn giáo, nghi thức tôn giáo, đội ngũ giáo sỹ, tín đồ đông đảo và cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động tôn giáo
- B. Hệ thống giáo khoa tôn giáo, nghi thức tôn giáo, tổ chức tôn giáo với đội ngũ giáo sỹ, tín đồ, cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động tôn giáo
- C. Hệ thống giáo lý tôn giáo, nghi thức tôn giáo, tổ chức tôn giáo với các thành viên và cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động tôn giáo
- D. **Hệ thống giáo lý tôn giáo, nghi lễ tôn giáo, tổ chức tôn giáo với đội ngũ giáo sỹ, tín đồ, cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động tôn giáo**

Câu 37. Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, vấn đề dân tộc là:

- A. Vấn đề quan trọng của cách mạng XHCN
- B. **Vấn đề chiến lược của cách mạng XHCN**
- C. Vấn đề cần thiết của cách mạng XHCN
- D. Vấn đề sách lược của cách mạng XHCN

Câu 38. Việt Nam là một quốc gia dân tộc thống nhất gồm:

- A. 56 dân tộc cùng sinh sống
- B. 52 dân tộc cùng sinh sống
- C. 57 dân tộc cùng sinh sống
- D. **54 dân tộc cùng sinh sống**

Câu 39. Tính chất của Tôn giáo là:

- A. **Tính lịch sử, tính quần chúng, tính chính trị**
- B. Tính kế thừa, tính phát triển, tính chính trị
- C. Tính chính trị, tính chọn lọc, tính phát triển
- D. Tính kế thừa, tính quần chúng, tính thực tiễn

Câu 40. Một trong những nội dung giải quyết vấn đề dân tộc theo quan điểm của Lênin:

- A. Các dân tộc phải ly khai, tự trị
- B. Các dân tộc phải phân chia đẳng cấp
- C. **Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng**
- D. Các dân tộc phải có nền văn hóa chung

Câu 41. Một trong những đặc điểm của các dân tộc ở Việt Nam là :

- A. Các dân tộc Việt nam đều có chung phong tục, tập quán
- B. Mỗi dân tộc ở Việt Nam đều có sắc thái văn hóa riêng
- C. **Mỗi dân tộc Việt nam đều có nền văn hóa riêng**
- D. Các dân tộc Việt nam đều có các tôn giáo riêng

Câu 42. Tôn giáo là một hình thái ý thức xã hội, phản ánh hiện thực khách quan theo :

- A. Trào lưu của xã hội phù hợp với tư tưởng, tình cảm, niềm tin của con người
- B. Quy luật phát triển của đời sống xã hội, được mọi người tin tưởng tham gia
- C. **Quan niệm hoang đường, ảo tưởng, phù hợp với tâm lý, hành vi của con người**
- D. Chuẩn mực đạo đức, truyền thống phù hợp với tâm lý, của mọi người

Câu 43. Một trong những nội dung về vấn đề dân tộc theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, là:

- A. **Gắn kết chặt chẽ với vấn đề giai cấp**
- B. Gắn kết chặt chẽ với dân tộc, dân chủ
- C. Gắn kết chặt chẽ với độc lập dân tộc
- D. Gắn kết chặt chẽ với bản chất quốc tế

Câu 44. Một trong những đặc điểm của các dân tộc thiểu số ở Việt Nam là :

- A. Cư trú du canh và du cư
- B. Cư trú tập trung
- C. **Cư trú phân tán và xen kẽ**
- D. Cư trú ở rừng núi

Câu 45. Một trong những nội dung giải quyết vấn đề dân tộc theo quan điểm của Lênin là:

- A. Các dân tộc được tự chủ, tự trị
- B. **Các dân tộc được quyền tự quyết**
- C. Các dân tộc phải phân chia đẳng cấp
- D. Các dân tộc phải có văn hóa chung

Câu 46. Quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo, được hiểu là:

- A. Mọi người đều được tự do cầu trời, cầu tự cho mình
- B. Mọi người đều được tự do thờ cúng hoặc không thờ cúng
- C. Mọi người đều được tự do tin hay không tin ở thần linh
- D. **Mọi người đều được tự do theo hoặc không theo tôn giáo**

Câu 47. Việc phân biệt rõ hai mặt chính trị và tư tưởng trong giải quyết vấn đề tôn giáo nhằm:

- A. **Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc**
- B. Thống nhất nhận thức cho mọi người
- C. Thống nhất tư tưởng trong các tôn giáo
- D. Xây dựng tinh thần đoàn kết tôn giáo

Câu 48. Tôn giáo xuất hiện đầu tiên ở Việt Nam là:

- A. Cao Đài
- B. **Phật giáo**
- C. Công giáo
- D. Tin lành

Câu 49. Tôn giáo có nguồn gốc từ các yếu tố:

- A. Chính trị - quân sự, tâm lý và nhận thức
- B. Chính trị - xã hội, tâm lý và ý thức
- C. Kinh tế - xã hội, ý thức và giáo lý
- D. **Kinh tế - xã hội, nhận thức và tâm lý**

Câu 50. Khái niệm dân tộc được hiểu theo nghĩa của một quốc gia là các thành viên cùng dân tộc sử dụng:

- A. Nhiều ngôn ngữ để cùng giao tiếp
- B. **Một ngôn ngữ chung để giao tiếp**
- C. Một tiếng nói chung thống nhất
- D. Chung một môi trường ngôn ngữ

Câu 51. Đặc trưng cơ bản của một cộng đồng quốc gia dân tộc là:

- A. **Được thiết lập trên một lãnh thổ chung**
- B. Dựa trên nguồn gốc sinh ra từ lâu đời
- C. Được xác định chung huyết thống
- D. Dựa trên các sắc tộc cùng màu da

Câu 52. Một dân tộc trong một quốc gia đa dân tộc có thể:

- A. Chỉ sinh sống ở những vùng núi cao
- B. Chỉ sinh sống ở một quốc gia dân tộc
- C. Sinh sống ở nhiều vùng trên thế giới
- D. **Sinh sống ở nhiều quốc gia dân tộc**

Câu 53. Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, giải quyết vấn đề tôn giáo trong cách mạng xã hội chủ nghĩa là phải quán triệt:

- A. Quan điểm tôn trọng quần chúng
- B. Quan điểm tôn trọng luật pháp
- C. **Quan điểm lịch sử cụ thể**
- D. Quan điểm tôn trọng giáo lý

Câu 54. Một trong những đặc điểm của các dân tộc ở Việt Nam là :

- A. **Có truyền thống đoàn kết gắn bó xây dựng quốc gia dân tộc thống nhất**
- B. Có truyền thống yêu nước, thương nòi kế tiếp đời này qua đời khác
- C. Có tinh thần chịu đựng gian khổ, khó khăn, không sợ hy sinh, vất vả
- D. Có tinh thần độc lập tự chủ, chịu thương, chịu khó làm ăn sinh sống

Câu 55. Các Tôn giáo lớn ở nước ta hiện nay là:

- A. Công giáo, Phật giáo, Tin Lành, Hòa Hảo, Cơ Đốc giáo, Chính thống giáo
- B. **Phật giáo, Công giáo, Tin Lành, Hồi Giáo, Cao Đài, Hòa Hảo**
- C. Phật giáo, Công giáo, Tin Lành, Cao Đài, Hòa Hảo, Anh giáo
- D. Phật giáo, Công giáo, Tin Lành, Ki Tô giáo, Ấn Độ giáo, Cơ Đốc giáo

### BÀI 3. PHÒNG, CHỐNG VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

A. Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 được Quốc hội thông qua:

- A. Ngày 17/09 năm 2020
- B. Ngày 17/11 năm 2020
- C. Ngày 17/10 năm 2020
- D. Ngày 18/12 năm 2020

B. Luật Bảo vệ môi trường có hiệu lực từ

- A. Ngày 01/07 năm 2022
- B. Ngày 01/01 năm 2021
- C. Ngày 01/01 năm 2022
- D. Ngày 01/07 năm 2021

C. Theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thì môi trường là:

- A. Hệ thống các yếu tố vật chất tự nhiên và môi trường xã hội ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội
- B. Hệ thống các yếu tố vật chất tự nhiên và nhân tạo quan hệ mật thiết với nhau bao quanh con người
- C. Hệ thống các yếu tố vật chất nhân tạo và môi trường xã hội quyết định sự tồn tại và phát triển của con người
- D. Hệ thống các yếu tố vật chất nhân tạo và môi trường không gian mạng chi phối đến mọi hoạt động của con người

D. Theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thì thành phần môi trường bao gồm

- A. Các yếu tố vật chất tự nhiên và xã hội
- B. Các yếu tố vật chất nhân tạo và xã hội.
- C. Các yếu tố vật chất tự nhiên, nhân tạo và xã hội.
- D. Các yếu tố vật chất tự nhiên và nhân tạo.

E. Môi trường tự nhiên bao gồm:

- A. Tất cả các yếu tố vật chất trên trái đất
- B. Tất cả các yếu tố tự nhiên và vật chất do con người tạo ra
- C. Tất cả các yếu tố tự nhiên trên trái đất
- D. Tất cả các yếu tố vật chất do con người tạo ra

F. Môi trường nhân tạo bao gồm:

- A. Các yếu tố vật chất do con người tạo ra
- B. Các yếu tố vật chất do máy móc tạo ra
- C. Các yếu tố phi vật chất do con người tạo ra
- D. Các yếu tố vật chất do con người cải tạo từ tự nhiên

G. “Pháp luật quy định những quy tắc xử sự mà con người phải thực hiện khi khai thác và sử dụng các yếu tố của môi trường” là nói đến:

- A. Vị trí của pháp luật bảo vệ môi trường
- B. Vai trò của pháp luật về bảo vệ môi trường
- C. Tính chất của pháp luật bảo vệ môi trường
- D. Đặc điểm của pháp luật bảo vệ môi trường

H. Hệ thống quy chuẩn môi trường, tiêu chuẩn môi trường do:

- A. Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp ban hành



- B. Chính phủ và Ủy ban nhân dân các cấp ban hành
  - C. **Cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành**
  - D. Bộ tài nguyên và môi trường ban hành
- I. Quy chuẩn môi trường, tiêu chuẩn môi trường là
- A. Trách nhiệm pháp lý để tòa án áp dụng đối với các cá nhân, tổ chức vi phạm
  - B. Điều kiện pháp lý để cơ quan bảo vệ pháp luật xử phạt tổ chức, cá nhân vi phạm
  - C. Nguyên tắc pháp lý để cho mọi cá nhân, tổ chức chấp hành và tuân thủ
  - D. **Cơ sở pháp lý cho việc xác định có vi phạm pháp luật về môi trường hay không**
- J. Thực chất của quy chuẩn môi trường, tiêu chuẩn môi trường:
- A. **Quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật**
  - B. Quy chuẩn, thông số kỹ thuật
  - C. Quy chuẩn, chỉ số kỹ thuật
  - D. Quy chuẩn, định mức kỹ thuật
- K. Các chế tài được áp dụng trong khai thác, sử dụng các yếu tố môi trường là:
- A. Chế tài hình sự, chế tài kinh tế, chế tài bảo vệ, chế tài bảo đảm
  - B. **Chế tài hình sự, chế tài kinh tế, chế tài hành chính, chế tài dân sự**
  - C. Chế tài kinh tế, chế tài hành chính, chế tài trừng trị, chế tài khôi phục
  - D. Chế tài hành chính, chế tài dân sự, chế tài thương mại, chế tài vô hiệu hóa
- L. Chế tài được sử dụng trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, vừa có tác dụng ngăn chặn các hành vi vi phạm, vừa có tác dụng:
- A. Củng cố công dân vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường
  - B. Xử phạt cộng đồng doanh nghiệp vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường
  - C. **Giáo dục công dân tôn trọng pháp luật bảo vệ môi trường**
  - D. Truy cứu trách nhiệm doanh nghiệp vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường
- M. Thông qua pháp luật bảo vệ môi trường Nhà nước quy định:
- A. Nghĩa vụ, trách nhiệm, quy định của tổ chức trong công tác bảo vệ môi trường
  - B. **Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức trong công tác bảo vệ môi trường**
  - C. Nguyên tắc hoạt động của cơ quan Nhà nước trong công tác bảo vệ môi trường
  - D. Quy tắc, thủ tục hành chính của cơ quan Nhà nước trong công tác bảo vệ môi trường
- N. Trong giải quyết tranh chấp liên quan đến bảo vệ môi trường thì pháp luật bảo vệ môi trường là:
- A. **Hệ thống các quy phạm pháp luật điều chỉnh hành vi, xử sự**
  - B. Hệ thống các quy phạm pháp luật điều chỉnh hành vi
  - C. Hệ thống các quy phạm pháp luật điều chỉnh hành động
  - D. Hệ thống những quy định và chế tài xử phạt
- O. Văn bản quy phạm pháp luật cao nhất trong hệ thống pháp luật Việt Nam về bảo vệ môi trường là:
- A. Luật, pháp lệnh
  - B. Nghị định, nghị quyết
  - C. **Hiến pháp**
  - D. Văn bản hướng dẫn thi hành
- P. Hình thức xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, bao gồm:
- A. Xử lý hình sự, xử lý phạt tù, xử lý phạt tiền



- B. **Xử lý hình sự, xử lý vi phạm hành chính, xử lý trách nhiệm dân sự.**
  - C. Xử lý vi phạm hành chính, xử lý phạt tiền, bồi thường
  - D. Xử lý trách nhiệm dân sự, buộc khôi phục trạng thái ban đầu
- Q. Tội phạm về môi trường là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong:
- A. Bộ Luật Tố tụng hình sự năm 2015 (bổ sung, sửa đổi năm 2017)
  - B. Luật Bảo vệ môi trường năm 2020
  - C. **Bộ Luật hình sự năm 2015 (bổ sung, sửa đổi năm 2017)**
  - D. Bộ Luật dân sự năm 2015
- R. Tội phạm về môi trường là xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về bảo vệ môi trường, xâm phạm đến các yếu tố môi trường làm thay đổi:
- A. **Trạng thái, tính chất của môi trường**
  - B. Quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường
  - C. Thông số, kỹ thuật môi trường
  - D. Định mức, kỹ thuật môi trường
- S. Một trong những nguyên nhân điều kiện khách quan dẫn đến vi phạm pháp luật về môi trường là do:
- A. Sự phát triển quá nhanh của nền kinh tế
  - B. Quy chuẩn môi trường, tiêu chuẩn môi trường quá khắt khe
  - C. **Áp lực tăng trưởng kinh tế**
  - D. Các khu đô thị và khu dân cư ngày càng nhiều
- T. “Các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành nhiều chính sách ưu đãi để phát triển kinh tế mà không quan tâm đến bảo vệ môi trường” là một trong những:
- A. Nguyên nhân, điều kiện chủ quan
  - B. **Nguyên nhân, điều kiện khách quan**
  - C. Nguyên nhân, điều kiện đối tượng vi phạm
  - D. Nguyên nhân, điều kiện của cơ quan Nhà nước
- U. Một trong những nguyên nhân điều kiện chủ quan dẫn đến vi phạm pháp luật về môi trường là:
- A. Chế tài xử lý vi phạm chưa đủ mạnh, chưa đủ sức răn đe
  - B. Các thủ đoạn vi phạm ngày càng tinh vi, khó kiểm soát
  - C. **Các cơ quan chức năng chưa phát huy hết vai trò, trách nhiệm**
  - D. Công tác quản lý của cơ quan chức năng còn chông chéo
- V. Một trong những nguyên nhân, điều kiện chủ quan của vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường là:
- A. **Phần lớn cán bộ trong lực lượng trực tiếp đấu tranh phòng, chống còn thiếu các kiến thức chuyên sâu về môi trường**
  - B. Ý thức coi thường pháp luật, sống thiếu kỷ cương không tuân thủ các quy tắc, chuẩn mực xã hội
  - C. Các cơ quan chức năng chưa phát huy hết vai trò, trách nhiệm trong phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường
  - D. Các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành nhiều chính sách ưu đãi để phát triển kinh tế mà không quan tâm đến bảo vệ môi trường
- W. “Đội ngũ cán bộ chiến sỹ trực tiếp đấu tranh phòng chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường còn thiếu” là một trong những:

- A. Nguyên nhân điều kiện khách thể
  - B. **Nguyên nhân, điều kiện chủ quan**
  - C. Nguyên nhân, điều kiện chủ thể.
  - D. Nguyên nhân, điều kiện khách quan
- X. Hầu hết các tội phạm về môi trường đều:
- A. Có kiến thức nhất định về môi trường
  - B. Nhận thức yếu kém về môi trường
  - C. **Nhằm mục đích thu lợi bất chính về kinh tế**
  - D. Hoạt động trong lĩnh vực môi trường
- Y. Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường là:
- A. Hoạt động của Quốc hội và HĐND các cấp
  - B. **Hoạt động của cơ quan Nhà nước**
  - C. Hoạt động của chính phủ và UBND các cấp
  - D. Hoạt động của cơ quan bảo vệ pháp luật
- Z. Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường nhằm:
- A. Duy trì môi trường trong sạch và giữ nguyên hiện trạng môi trường
  - B. Ngăn chặn nguy cơ, điều kiện vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường
  - C. Bảo đảm cho sự phát triển ổn định, bền vững kinh tế - xã hội của đất nước
  - D. **Ngăn chặn, hạn chế tình trạng vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường**
- AA. Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường để:
- A. Duy trì trạng thái bình thường, ngăn ngừa các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường
  - B. Không còn tình trạng cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường
  - C. Bảo vệ người dân được sống trong môi trường trong lành, ít bị tác động bởi môi trường ô nhiễm
  - D. **Kịp thời phát hiện, điều tra, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường**
- BB. Phòng, chống vi phạm pháp luật là tổng hợp các biện pháp:
- A. **Phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và đấu tranh**
  - B. Khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử
  - C. Phát hiện, ngăn chặn, điều tra và xử lý
  - D. Điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án
- CC. Một trong những đặc điểm phòng, chống vi phạm pháp luật về môi trường:
- A. Các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành nhiều chính sách ưu đãi để phát triển kinh tế mà không quan tâm đến bảo vệ môi trường
  - B. Pháp luật xây dựng hệ thống các quy chuẩn môi trường, tiêu chuẩn môi trường để bảo vệ môi trường
  - C. **Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường có sự phối kết hợp chặt chẽ giữa các chủ thể tham gia trên cơ sở chức năng, quyền hạn được phân công**
  - D. Các cơ quan chức năng chưa phát huy hết vai trò, trách nhiệm trong phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.
- DD. “Phòng, chống vi phạm pháp luật về BVMT có liên quan trực tiếp đến việc sử dụng các công cụ phương tiện nghiệp vụ và ứng dụng tiến bộ của KHCN” là:

- A. Tính chất phòng, chống vi phạm pháp luật về môi trường
  - B. Biện pháp phòng, chống vi phạm pháp luật về môi trường
  - C. **Đặc điểm phòng, chống vi phạm pháp luật về môi trường**
  - D. Giải pháp phòng, chống vi phạm pháp luật về môi trường
- EE. Biện pháp tiến hành phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường có sự kết hợp hài hòa
- A. **Giữa biện pháp phòng ngừa với biện pháp điều tra, xử lý**
  - B. Giữa biện pháp phòng ngừa xã hội với biện pháp phòng ngừa nghiệp vụ
  - C. Giữa biện pháp phòng ngừa pháp luật với biện pháp răn đe, xử phạt
  - D. Giữa biện pháp phòng ngừa hành chính với biện pháp phòng ngừa hình sự
- FF. Một trong các hành vi bị nghiêm cấm trong Điều 6 - Luật Bảo vệ môi trường năm 2020:
- A. Phá hoại, xâm chiếm trái phép di tích khảo cổ
  - B. **Phá hoại, xâm chiếm trái phép di sản thiên nhiên**
  - C. Phá hoại, xâm chiếm trái phép di tích lịch sử
  - D. Phá hoại, xâm chiếm trái phép danh lam thắng cảnh
- GG. Một trong các hành vi bị nghiêm cấm trong Điều 6 - Luật Bảo vệ môi trường năm 2020:
- A. **Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để làm trái quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường**
  - B. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để làm thay đổi quy chuẩn môi trường, tiêu chuẩn môi trường
  - C. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để làm biến đổi các thành phần môi trường tự nhiên và nhân tạo
  - D. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để làm xê dịch các công trình phục vụ công tác bảo vệ môi trường
- HH. Nội dung cơ bản của biện pháp tổ chức - hành chính phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường là:
- A. Dùng các lợi ích vật chất để kích thích chủ thể thực hiện những hoạt động có lợi cho môi trường
  - B. Ứng dụng các biện pháp khoa học - công nghệ vào giải quyết những vấn đề môi trường
  - C. **Xây dựng, hoàn thiện cơ cấu tổ chức các cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường**
  - D. Giáo dục, tuyên truyền đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước nhằm nâng cao nhận thức của cộng đồng vào việc bảo vệ môi trường
- II. Một trong những nội dung biện pháp kinh tế trong phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường là:
- A. Giảm ưu đãi về thuế đối với chủ thể vi phạm
  - B. **Xử lý, hạn chế lợi ích kinh tế của chủ thể vi phạm**
  - C. Tăng áp dụng thuế đối với chủ thể vi phạm
  - D. Khuyến khích sử dụng khoa học công nghệ
- JJ. Biện pháp pháp luật trong phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường là:
- A. Tăng cường đấu tranh phòng, chống tội phạm về môi trường và tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa

- B. Nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý nhà nước về môi trường và đấu tranh phòng, chống tội phạm về môi trường
- C. **Xây dựng các quy phạm pháp luật và tổ chức thực hiện, áp dụng pháp luật để điều chỉnh các quan hệ xã hội liên quan đến việc bảo vệ môi trường**
- D. củng cố, kiện toàn bộ máy và hoạt động của lực lượng chức năng tham gia thực hiện công tác bảo vệ môi trường.
- KK. Vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam trong phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường là:
- A. **Đảng lãnh đạo trực tiếp, nhiều mặt đối với các cơ quan trực tiếp phòng, chống tội phạm về môi trường**
- B. Đảng tổ chức mọi mặt các cơ quan chức năng phòng, chống tội phạm vi phạm pháp luật về môi trường
- C. Đảng chỉ huy mọi mặt các cơ quan nghiệp vụ trong phòng, chống tội phạm vi phạm pháp luật về môi trường
- D. Đảng kiểm tra, giám sát mọi mặt cơ quan bảo vệ pháp luật xử lý những vụ vi phạm pháp luật về môi trường
- LL. Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp có chức năng, quyền hạn, nhiệm vụ gì trong công tác phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường
- A. Lãnh đạo các cơ quan chức năng thực hiện tốt trách nhiệm, quyền hạn trong công tác bảo vệ môi trường
- B. Ban hành và hoàn thiện hệ thống pháp luật, Pháp lệnh, Nghị quyết về công tác bảo vệ môi trường
- C. Chỉ đạo cơ quan bảo vệ pháp luật xử lý nghiêm khắc những hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường
- D. **Giám sát hoạt động của Chính phủ và Ủy ban nhân dân các cấp phòng, chống vi phạm pháp luật về môi trường**
- MM. “Tham gia tích cực và hưởng ứng các chương trình, hành động về bảo vệ môi trường do Nhà nước, các Bộ, ngành phát động” là trách nhiệm của:
- A. Sinh viên
- B. Công dân
- C. **Nhà trường**
- D. Mọi người
- NN. “Tích cực học tập, nghiên cứu nắm vững các quy định của pháp luật về phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường” là trách nhiệm của:
- A. **Sinh viên**
- B. Công dân
- C. Học sinh
- D. Mọi người
- OO. Môi trường là :
- A. Hệ thống yếu tố tự nhiên
- B. **Hệ thống yếu tố tự nhiên và nhân tạo**
- C. Hệ thống yếu tố nhân tạo
- D. Hệ thống các vi sinh vật bao quanh con người
- PP. Môi trường có tác động ảnh hưởng đến:

- A. Đời sống, kinh tế-xã hội và sự tồn tại và phát triển của con người
  - B. Đời sống con người
  - C. **Đời sống, kinh tế-xã hội và sự tồn tại, phát triển của con người, sinh vật tự nhiên**
  - D. Sự phát triển kinh tế - xã hội
- QQ. Môi trường tự nhiên bao gồm:
- A. Tất cả các yếu tố con người, tài nguyên,vi sinh vật
  - B. Tất cả các yếu tố do con người tạo ra
  - C. Tất cả các yếu tố tự nhiên và nhân tạo
  - D. **Tất cả các yếu tố tự nhiên trên trái đất**
- RR. Môi trường tự nhiên mang lại:
- A. **Không gian và điều kiện để con người sinh sống và tồn tại**
  - B. Tài nguyên và khoáng sản
  - C. Điều kiện phát triển kinh tế
  - D. Không khí và nước
- SS. Môi trường nhân tạo bao gồm:
- A. Các yếu tố do con người tạo ra
  - B. **Các yếu tố vật chất do con người tạo ra**
  - C. Tất cả những vật chất phục vụ cuộc sống con người
  - D. Các yếu tố do con người tạo ra và tự nhiên
- TT. Pháp luật quy định:
- A. Quy định bắt buộc mà con người phải thực hiện và khi khai thác và sử dụng các yếu tố của môi trường
  - B. Nguyên tắc xử sự mà con người phải thực hiện và khi khai thác và sử dụng các yếu tố của môi trường
  - C. **Quy tắc xử sự mà con người phải thực hiện và khi khai thác và sử dụng các yếu tố của môi trường**
  - D. Chế tài thực thi mà con người phải thực hiện và khi khai thác và sử dụng các yếu tố của môi trường
- UU. Môi trường vừa là điều kiện sống vừa là:
- A. Nhu cầu khai thác không tái tạo
  - B. **Đối tượng tác động hàng ngày của con người**
  - C. Đối tượng tác động theo quy luật
  - D. Nguồn tài nguyên vô tận
- VV. Pháp luật với tư cách là:
- A. **Công cụ điều tiết các hành vi của các thành viên trong xã hội**
  - B. Công cụ chi phối các hành vi của các thành viên trong xã hội
  - C. Công cụ quyết định các hành vi của các thành viên trong xã hội
  - D. Công cụ răn đe các hành vi của các thành viên trong xã hội
- WW. Pháp luật xây dựng hệ thống:
- A. Quy chuẩn để bảo vệ môi trường
  - B. Tiêu chuẩn để bảo vệ môi trường
  - C. **Các quy chuẩn môi trường, tiêu chuẩn môi trường để bảo vệ môi trường.**
  - D. Bộ quy tắc ứng xử để bảo vệ môi trường
- XX. Các quy chuẩn môi trường và tiêu chuẩn môi trường là:

- A. Hệ thống văn bản quy định xác định có vi phạm pháp luật về môi trường hay không
- B. **Cơ sở pháp lý xác định có vi phạm pháp luật về môi trường hay không.**
- C. Nguyên tắc quy định xác định có vi phạm pháp luật về môi trường hay không
- D. Nguyên tắc pháp lý xác định có vi phạm pháp luật về môi trường hay không.
- YY. Pháp luật quy định:
- A. Chức năng, quyền hạn của các cơ quan, tổ chức và cá nhân tham gia bảo vệ môi trường
- B. **Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, tổ chức và cá nhân tham gia bảo vệ môi trường.**
- C. Nhiệm vụ, chức năng và quyền xử phạt của các cơ quan, tổ chức và cá nhân tham gia bảo vệ môi trường
- D. Quyền hạn áp dụng quy định xử phạt của các cơ quan, tổ chức và cá nhân tham gia bảo vệ môi trường
- ZZ. Pháp luật có tác dụng rất lớn trong việc tạo ra:
- A. **Cơ chế hoạt động hiệu quả cho các tổ chức bảo vệ môi trường**
- B. Cơ chế thuận lợi cho các tổ chức bảo vệ môi trường
- C. Không gian hoạt động hiệu quả cho các tổ chức bảo vệ môi trường
- D. Lợi ích về vật chất cho các tổ chức bảo vệ môi trường
- AAA. Trong giải quyết tranh chấp liên quan đến bảo vệ môi trường thì Pháp luật bảo vệ môi trường là:
- A. Hệ thống các quy phạm pháp luật điều chỉnh hành vi
- B. Hệ thống các quy phạm pháp luật điều chỉnh hành động
- C. **Hệ thống các quy phạm pháp luật điều chỉnh hành vi, xử sự**
- D. Hệ thống những quy định và chế tài xử phạt.
- BBB. Pháp luật xử lý vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ môi trường:
- A. Xử lý hình sự
- B. **Xử lý hình sự, vi phạm hành chính và trách nhiệm dân sự**
- C. Xử lý vi phạm hành chính
- D. Xử lý trách nhiệm dân sự
- CCC. Tội phạm về môi trường là hành vi nguy hiểm cho xã hội có:
- A. Tác động tiêu cực đến các yếu tố của môi trường, tài nguyên
- B. Gây tổn hại ở mức độ đáng kể đến các yếu tố của môi trường, tài nguyên
- C. **Tác động tiêu cực và gây tổn hại đáng kể đến các yếu tố của môi trường, tài nguyên.**
- D. Gây tổn hại nghiêm trọng đến các yếu tố của môi trường, tài nguyên
- DDD. Một trong những nguyên nhân điều kiện khách quan dẫn đến vi phạm pháp luật về môi trường là:
- A. **Áp lực tăng trưởng kinh tế**
- B. Áp lực đảm bảo cuộc sống mưu sinh của con người
- C. Nhận thức của người dân
- D. Bùng nổ dân số
- EEE. Một trong những nguyên nhân điều kiện khách quan dẫn đến vi phạm pháp luật về môi trường là:
- A. Phối hợp giữa các cơ quan chức năng chưa chặt chẽ
- B. **Công tác quản lý nhà nước về môi trường còn chồng chéo, trùng lặp**



- C. Hệ thống luật pháp còn lỏng lẻo
- D. Tham nhũng của cán bộ làm công tác chuyên môn

FFF. Một trong những nguyên nhân điều kiện chủ quan dẫn đến vi phạm pháp luật về môi trường là:

- A. Hệ thống pháp luật chưa đủ chặt, đủ mạnh
- B. Khung hình phạt chưa mang tính răn đe mạnh
- C. Các cơ quan chức năng chưa phát huy hết vai trò, trách nhiệm trong phòng chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường
- D. Công tác quản lý còn chồng chéo

GGG. Một trong những nguyên nhân điều kiện chủ quan dẫn đến vi phạm pháp luật về môi trường là:

- A. Phối hợp giữa các cơ quan chức năng chưa chặt chẽ
- B. Đội ngũ cán bộ chiến sĩ trực tiếp đấu tranh phòng chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường còn thiếu
- C. Hệ thống luật pháp còn lỏng lẻo
- D. Tham nhũng của cán bộ làm công tác chuyên môn còn xảy ra thường xuyên

HHH. Một trong những nguyên nhân dẫn đến vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường của các đối tượng vi phạm:

- A. Động cơ trả thù cá nhân
- B. Sự quản lý lỏng lẻo của cơ quan chức năng
- C. Thiếu trách nhiệm của đội ngũ cán bộ trực tiếp làm nhiệm vụ chuyên môn
- D. Thu lợi bất chính về kinh tế

## BÀI 4. PHÒNG , CHỐNG VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ ĐẢM BẢO TRẬT TỰ, AN TOÀN GIAO THÔNG

Câu 1. Pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông nhằm:

- A. Điều chỉnh các quan hệ xã hội trong quá trình tổ chức thực hiện hoạt động chấp hành và điều hành của Nhà nước, tổ chức, công dân
- B. **Điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện hoạt động chấp hành và điều hành của Nhà nước, tổ chức, công dân**
- C. Điều chỉnh hành vi xã hội trong quá trình tổ chức thực hiện hoạt động chấp hành và điều hành của Nhà nước, tổ chức, công dân.
- D. Điều chỉnh hành vi, ứng xử trong quá trình tổ chức thực hiện hoạt động chấp hành và điều hành của Nhà nước, tổ chức, công dân.

Câu 2. Pháp luật về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông là:

- A. Công cụ thực thi để thực hiện chức năng quản lý Nhà nước
- B. Công cụ xử lý để thực hiện chức năng quản lý Nhà nước.
- C. **Công cụ pháp lý để thực hiện chức năng quản lý Nhà nước**
- D. Công cụ đấu tranh để thực hiện chức năng quản lý Nhà nước.

Câu 3. Các dạng vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông bao gồm:

- A. Vi phạm hành chính; Vi phạm dân sự
- B. **Vi phạm hành chính; vi phạm hình sự**
- C. Vi phạm dân sự và vi phạm hình sự
- D. Vi phạm dân sự

Câu 4. Vi phạm hình sự xảy ra trong lĩnh vực bảo đảm trật tự an toàn giao thông được quy định trong bộ luật nào:

- A. Bộ luật tố tụng dân sự
- B. Bộ luật dân sự
- C. Bộ luật tố tụng hình sự
- D. **Bộ luật hình sự**

Câu 5. Độ tuổi quy định chủ thể không phải chịu trách nhiệm hình sự về lỗi vô ý khi vi phạm pháp luật bảo đảm trật tự an toàn giao thông:

- A. Từ 12 đến 16 tuổi
- B. Từ 14 đến 18 tuổi
- C. **Từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi**
- D. Từ 14 tuổi đến đủ 16 tuổi

Câu 6. Chủ thể tham gia giao thông đường bộ là:

- A. **Người đủ 16 tuổi trở lên có khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi**
- B. Người đủ 16 tuổi trở lên
- C. Người có năng lực trách nhiệm hình sự
- D. Người có nhận thức và làm chủ hành vi



Câu 7. Mặt khách quan của tội phạm xâm phạm an toàn giao thông là:

- A. Phương tiện không đảm bảo chỉ số kỹ thuật
- B. **Phương tiện đi quá tốc độ, chở quá người quy định, vượt trái phép, không đúng làn đường**
- C. Phương tiện lưu thông từ mua bán trái phép
- D. Phương tiện quá khổ, quá tải

Câu 8. Mặt chủ quan của tội vi phạm tham gia giao thông đường bộ (Điều 11- Bộ luật Hình sự hiện hành)

- A. Thấy trước hành vi có thể gây hậu quả nhưng vẫn cố ý để hậu quả đó xảy ra
- B. Không thấy trước hành vi phạm tội của mình
- C. **Thấy trước hành vi có thể gây hậu quả nhưng cho rằng hậu quả đó sẽ không xảy ra hoặc có thể ngăn ngừa được**
- D. Thấy trước hành vi phạm tội của mình có thể gây hậu quả nghiêm trọng cho xã hội

Câu 9. Một trong những nguyên nhân, điều kiện dẫn đến vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông:

- A. Hệ thống pháp luật còn chưa đủ chặt, đủ mạnh để răn đe
- B. Hiện tượng tiêu cực mang tính phổ biến
- C. Ý thức tự giác của người tham gia giao thông chưa cao
- D. **Tác động tiêu cực của các yếu tố thiên nhiên, môi trường đối với người tham gia giao thông**

Câu 10. An toàn giao thông là tổng hợp:

- A. **Cách thức, biện pháp được sử dụng để ngăn chặn người tham gia giao thông tử vong hoặc bị thương nặng do tai nạn giao thông**
- B. Biện pháp được sử dụng để ngăn chặn người tham gia giao thông tử vong hoặc bị thương nặng do tai nạn giao thông
- C. Quy định được sử dụng để ngăn chặn người tham gia giao thông tử vong hoặc bị thương nặng do tai nạn giao thông
- D. Nguyên tắc được sử dụng để ngăn chặn người tham gia giao thông tử vong hoặc bị thương nặng do tai nạn giao thông

Câu 11. Trật tự, an toàn giao thông là trạng thái xã hội có trật tự được hình thành và điều chỉnh bởi:

- A. Hệ thống văn bản pháp quy trong lĩnh vực giao thông
- B. **Các quy phạm pháp luật trong lĩnh vực giao thông**
- C. Hệ thống nguyên tắc điều chỉnh hành vi trong lĩnh vực giao thông
- D. Ý thức công dân tham gia trong lĩnh vực giao thông

Câu 12. Phòng chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông là:

- A. Hoạt động của các tổ chức
- B. Hoạt động của cơ quan Nhà nước
- C. **Hoạt động của cơ quan Nhà nước, các tổ chức xã hội và công dân**

#### D. Hoạt động của cá nhân

Câu 13. Cơ quan hay tổ chức nào trực tiếp chỉ đạo và phân công, phân cấp cụ thể cho các bộ, ngành, cơ quan đoàn thể trong phòng ngừa tội phạm và vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông:

- A. Đảng cộng sản Việt Nam
- B. **Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp**
- C. Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp
- D. Bộ giao thông vận tải

Câu 14. Cơ quan nào chịu trách nhiệm trước chính phủ trong việc thực hiện quản lý Nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông:

- A. **Bộ giao thông vận tải**
- B. Bộ công an
- C. Cục quản lý đường bộ
- D. Cục quản lý đường biển

Câu 15. Cơ quan nào trực tiếp chỉ đạo, hướng dẫn kiểm tra thực hiện pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông:

- A. Viện kiểm sát nhân dân tối cao
- B. Tòa án nhân dân tối cao
- C. **Bộ công an**
- D. Bộ giao thông vận tải

Câu 16. Cơ quan bảo vệ pháp luật trong bảo đảm trật tự, an toàn giao thông bao gồm:

- A. Bộ công an; Bộ quốc phòng; Tòa án nhân dân tối cao
- B. **Công an; Viện kiểm soát; Tòa án**
- C. Bộ giao thông vận tải; Bộ công an; Bộ quốc phòng
- D. Tòa án; quân đội; công an

Câu 17. Phòng, chống vi phạm về bảo đảm TTATGT Là sử dụng các biện pháp, phương tiện để phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh, điều tra. Nhằm khắc phục những nguyên nhân, điều kiện dẫn đến phạm tội về vi phạm pháp luật bảo đảm trật tự an toàn giao thông là:

- A. Giải pháp phòng chống vi phạm về bảo đảm TTATGT
- B. Nhiệm vụ phòng chống vi phạm về bảo đảm TTATGT
- C. **Khái niệm phòng chống vi phạm về bảo đảm TTATGT**
- D. Mục tiêu phòng chống vi phạm về bảo đảm TTATGT

Câu 18. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên của các cấp ủy đảng, chính quyền, các ngành, các tổ chức đoàn thể từ Trung ương đến địa phương về bảo đảm TTATGT là:

- A. **Nhiệm vụ phòng chống vi phạm về bảo đảm TTATGT**
- B. Khái niệm phòng chống vi phạm về bảo đảm TTATGT
- C. Giải pháp phòng chống vi phạm về bảo đảm TTATGT
- D. Mục tiêu phòng chống vi phạm về bảo đảm TTATGT

Câu 19. Nâng cao nhận thức và ý thức tự giác chấp hành pháp luật của người tham gia giao thông, xây dựng văn hóa giao thông trong cộng đồng là:

- A. Các giải pháp chủ yếu về bảo đảm TTATGT
- B. Trách nhiệm của sinh viên
- C. **Mục tiêu phòng chống vi phạm về bảo đảm TTATGT**
- D. Khái niệm phòng chống vi phạm về bảo đảm TTATGT

Câu 20. Đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về TTATGT là:

- A. Khái niệm về bảo đảm TTATGT
- B. **Các giải pháp chủ yếu về phòng, chống vi phạm pháp luật bảo đảm TTATGT**
- C. Mục tiêu phòng chống vi phạm về bảo đảm TTATGT
- D. Nhiệm vụ phòng chống vi phạm về bảo đảm TTATGT

Câu 21. Tuyên truyền, vận động mọi người tham gia giao thông tự giác chấp hành pháp luật trật tự an toàn giao thông là:

- A. Nhiệm vụ phòng chống vi phạm về bảo đảm TTATGT
- B. Mục tiêu phòng, chống vi phạm luật giao thông
- C. **Trách nhiệm của sinh viên**
- D. Trách nhiệm của gia đình

Câu 22. Nâng cao hiệu quả quản lý Nhà nước trong hoạt động bảo đảm TTATGT; nâng cao ý thức trách nhiệm của người thực thi công vụ về bảo đảm (TTATGT) là:

- A. **Mục tiêu phòng chống vi phạm pháp luật về bảo đảm TTATGT**
- B. Nhiệm vụ phòng chống vi phạm về bảo đảm TTATGT
- C. Giải pháp phòng chống vi phạm về bảo đảm TTATGT
- D. Khái niệm về vi phạm pháp luật bảo đảm TTATGT

Câu 23. Tiếp tục giảm cả 3 tiêu chí về số vụ, số người chết, số người bị thương do tai nạn giao thông là:

- A. Nhiệm vụ phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm TTATGT
- B. **Mục tiêu phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm TTATGT**
- C. Biện pháp phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm TTATGT
- D. Giải pháp chống vi phạm pháp luật về bảo đảm TTATGT

Câu 24. Tập trung nâng cao chất lượng xây dựng và kịp thời ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông là:

- A. Giải pháp phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm TTATGT
- B. Phương hướng phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm TTATGT
- C. **Nhiệm vụ phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm TTATGT**
- D. Biện pháp phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm TTATGT.

Câu 25. Đẩy mạnh hoạt động tuần tra, kiểm soát (TTKS) và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm TTATGT là:

- A. Biện pháp phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm TTATGT
- B. **Nhiệm vụ phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm TTATGT**
- C. Khái niệm phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm TTATGT
- D. Phương hướng phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm TTATGT

Câu 26. Nâng cao hiệu quả quản lý Nhà nước trong lĩnh vực bảo đảm TTATGT là:

- A. Nhiệm vụ phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm TTATGT
- B. Khái niệm về phòng, chống vi phạm pháp luật bảo đảm TTATGT
- C. Phương hướng về phòng, chống vi phạm pháp luật bảo đảm TTATGT
- D. **Các giải pháp chủ yếu về phòng, chống vi phạm pháp luật bảo đảm TTATGT**

Câu 27. Điều 260, mục 1 của luật hình sự qui định phạt tiền từ 30.000.000 đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm khi tham gia giao thông:

- A. Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 41% trở lên
- B. **Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên**
- C. Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 51% trở lên
- D. Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 71% trở lên

Câu 28. Bộ luật hình sự Việt nam được thông qua bởi

- A. **Quốc hội nước cộng hòa XHCN Việt Nam**
- B. Nhà nước cộng hòa XHCN Việt Nam
- C. Đảng cộng sản Việt Nam
- D. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

Câu 29. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 18-CT/TW ngày 04/9/2012 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo đảm TTATGT là:

- A. Biện pháp phòng, chống vi phạm pháp luật bảo đảm TTATGT
- B. Phương hướng phòng, chống vi phạm pháp luật bảo đảm TTATGT
- C. **Các giải pháp chủ yếu về phòng, chống vi phạm pháp luật bảo đảm TTATGT**
- D. Nhiệm vụ phòng, chống vi phạm pháp luật bảo đảm TTATGT

Câu 30. Tích cực tham gia học luật giao thông đường bộ, tìm hiểu nắm vững thêm các điều luật và quy định đảm bảo trật tự an toàn giao thông là nội dung của:

- A. Khái niệm an toàn giao thông
- B. Nhiệm vụ của bảo đảm an toàn giao thông
- C. **Trách nhiệm của sinh viên**
- D. Các giải pháp chủ yếu bảo đảm ATGT

Câu 31. Chính phủ ban hành Nghị định 100/2019/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt vào ngày:

- A. Ngày 30/12/2019
- B. Ngày 28/12/2019
- C. Ngày 29/12/2019
- D. Ngày 31/12/2019

Câu 32. Chấp hành nghiêm túc hệ thống báo hiệu đường bộ, đi đúng phần đường, làn đường quy định; không sử dụng rượu, bia trước khi điều khiển phương tiện tham gia giao thông, không điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định là nội dung:

- A. Trách nhiệm của sinh viên
- B. Nhiệm vụ của bảo đảm an toàn giao thông
- C. Phương hướng đảm an toàn giao thông
- D. Giải pháp đảm an toàn giao thông

Câu 33. Điều 260, mục 1 của luật hình sự qui định phạt tiền từ 30.000.000 đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm khi tham gia giao thông:

- A. Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 41% đến 121%
- B. Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%
- C. Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 51% đến 121%
- D. Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 71% đến 121%

Câu 34. Nghị định 100/2019/NĐ-CP. Điều 6. Xử phạt người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện), các loại xe tương tự xe mô tô và các loại xe tương tự xe gắn máy vi phạm quy tắc giao thông đường bộ “Chở người ngồi trên xe sử dụng ô (dù)” sẽ bị:

- A. Phạt tiền từ 50.000 đồng đến 150.000 đồng
- B. Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 250.000 đồng
- C. Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng
- D. Phạt tiền từ 150.000 đồng đến 300.000 đồng

Câu 35. Một trong các giải pháp chủ yếu phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm TTATGT:

- A. Nâng cao nhận thức và ý thức tự giác chấp hành pháp luật của người tham gia giao thông
- B. Đẩy mạnh hoạt động tuần tra, kiểm soát (TTKS) và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm TTATGT
- C. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên của các cấp ủy đảng, chính quyền
- D. Nâng cao hiệu quả quản lý Nhà nước trong lĩnh vực bảo đảm TTATGT

Câu 36. Một trong các nhiệm vụ phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm TTATGT:

- A. Giảm ùn tắc giao thông trong các đô thị lớn
- B. Tập trung nâng cao chất lượng xây dựng và kịp thời ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, hàng hải, hàng không
- C. Đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động tuyên truyền pháp luật về TTATGT
- D. Tiếp tục giảm cả 3 tiêu chí về số vụ, số người chết, số người bị thương do tai nạn giao thông

Câu 37. Một trong các giải pháp phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm TTATGT:

- A. Nâng cao nhận thức và ý thức tự giác chấp hành pháp luật của người tham gia giao thông
- B. Tích cực tham gia học luật giao thông đường bộ
- C. Giảm ùn tắc giao thông
- D. Vận động mọi người tham gia giao thông tự giác chấp hành pháp luật trật tự an toàn giao thông

Câu 38. Lực lượng nòng cốt xung kích trong đảm bảo trật tự, an toàn giao thông là:

- A. Dân phòng
- B. Quân đội
- C. Dân quân tự vệ
- D. Công an

Câu 39. Cơ quan chịu trách nhiệm nghiên cứu phân tích, đánh giá tình trạng vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông:

- A. Bộ quốc phòng
- B. Quốc hội
- C. Bộ công an
- D. Bộ giao thông vận tải

Câu 40. Cơ quan nào chịu trách nhiệm đề xuất, kiến nghị trong việc hoạch định các chính sách áp dụng các biện pháp xử lý vi phạm pháp luật về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông:

- A. Bộ công an
- B. Quốc hội
- C. Bộ giao thông vận tải
- D. Mặt trận tổ quốc Việt Nam

Câu 41. Cơ quan nào sử dụng các biện pháp nghiệp vụ chuyên môn theo chức năng trong đảm bảo trật tự, an toàn giao thông:

- A. Bộ giao thông vận tải
- B. Bộ công an
- C. Quốc hội
- D. Tòa án nhân dân tối cao



Câu 42. Lực lượng nào là lực lượng tham gia trực tiếp bảo vệ pháp luật về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông:

- A. Thanh niên xung phong
- B. Quân đội
- C. Công an
- D. Dân quân tự vệ

Câu 43. Trách nhiệm của công dân trong tham gia đảm bảo trật tự, an toàn giao thông:

- A. Điều tra các đối tượng vi phạm
- B. Tham gia trực tiếp đấu tranh phòng chống vi phạm pháp luật về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông
- C. Xử lý các trường hợp vi phạm
- D. Tích cực hợp tác, chia sẻ thông tin

Câu 44. Một trong những nội dung hợp tác giữa các chủ thể tham gia đảm bảo trật tự, an toàn giao thông là

- A. Phối hợp tổ chức tuyên truyền, giáo dục pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông
- B. Phối hợp trong truy tìm, vây bắt đối tượng vi phạm
- C. Phối hợp trong dẫn độ đối tượng vi phạm
- D. Phối hợp trong xét xử đối tượng vi phạm

Câu 45. Một trong những biện pháp phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn tham gia giao thông là:

- A. Tuyên truyền, phổ biến về chính sách phát triển kinh tế - xã hội
- B. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông cho mọi công dân
- C. Tuyên truyền, phổ biến về Bộ luật hình sự hiện hành
- D. Tuyên truyền về hậu quả của các hành vi vi phạm và chế tài xử lý

Câu 46. Mục đích của công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông là:

- A. Nâng cao ý thức trong giữ gìn an ninh trật tự
- B. Nâng cao tinh thần đấu tranh, tố giác tội phạm
- C. Nâng cao ý thức chấp hành pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông
- D. Nâng cao hiểu biết về chính sách phát triển kinh tế - xã hội của đất nước

Câu 47. Một trong những biện pháp phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn tham gia giao thông là:

- A. Tham mưu cho cấp ủy đảng, chính quyền các cấp đề ra chủ trương, biện pháp về phát triển kinh tế - xã hội
- B. Tham mưu cho cấp ủy đảng, chính quyền các cấp đề ra chủ trương, biện pháp phòng chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông

- C. Tham mưu cho cấp ủy đảng, chính quyền các cấp đề ra chủ trương, biện pháp về đảm bảo trị an
- D. Tham mưu cho cấp ủy đảng, chính quyền các cấp đề ra chủ trương, biện pháp về đấu tranh trấn át tội phạm

Câu 48. Một trong những biện pháp phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn khi tham gia giao thông là:

- A. **Tổ chức phát động phong trào toàn dân tham gia phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông**
- B. Tham mưu cho cấp ủy đảng, chính quyền các cấp đề ra chủ trương, biện pháp về phát triển kinh tế - xã hội
- C. Tham mưu cho cấp ủy đảng, chính quyền các cấp đề ra chủ trương, biện pháp về
- D. đảm bảo trị an
- E. Phát huy vai trò của lực lượng chuyên trách trong xử phạt đối tượng vi phạm

Câu 49. Tổ chức phát động phong trào toàn dân tham gia phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông gắn với phong trào:

- A. Xóa đói giảm nghèo
- B. Phòng chống tệ nạn xã hội
- C. **Toàn dân tham gia bảo vệ an ninh Tổ quốc**
- D. Phòng chống dịch Covid

Câu 50. Một trong những biện pháp phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông là:

- A. Tham mưu cho cấp ủy đảng, chính quyền các cấp đề ra chủ trương, biện pháp về phát triển kinh tế - xã hội
- B. **Tham mưu, đề xuất với Nhà nước xây dựng và hoàn thiện hệ thống các văn bản pháp luật phục vụ phòng chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông**
- C. Tham mưu cho cấp ủy đảng, chính quyền các cấp đề ra chủ trương, biện pháp về đảm bảo trị an
- D. Tham mưu cho cấp ủy đảng, chính quyền các cấp đề ra chủ trương, biện pháp về nâng cao ý thức cho mọi người dân khi tham gia giao thông